

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **40/2019/HNGĐ-ST**

Ngày 23-9-2019

V/v tranh chấp: “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Biên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Hồng Liên

Bà Nguyễn Thị Tài

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thúy Thành-Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà-Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 82/2019/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ái V**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn 3, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt.*

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Xuân T**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn 3, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/3/2019 của chị Nguyễn Thị Ái V và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Ái V và anh Nguyễn Xuân T quen biết và tìm hiểu nhau trong khoảng hơn 01 năm thì được hai bên gia đình đồng ý, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và tự nguyện đăng ký kết hôn UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 24/3/2004.

Quá trình sống chung vợ chồng phát sinh quá nhiều mâu thuẫn do cả hai có quan điểm sống khác nhau về tình cảm, công việc nên phần ai người đó sống, không quan tâm chăm sóc vợ con. Nguyên nhân do anh T ham chơi cờ bạc, nợ

nần, khi xảy ra mâu thuẫn anh T đánh đập vợ con. Quá trình mâu thuẫn cứ kéo dài đến nay không thể hàn gắn được, chị V đã dọn ra ngoài ở riêng, vợ chồng không còn sống chung với nhau từ tháng 4/2019 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, nếu kéo dài gây ảnh hưởng đến cuộc sống của mỗi người và cả con cái. Nay chị V yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Xuân T

2. Về con chung: Quá trình sống chung vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Xuân T, sinh ngày 19/06/2005, Nguyễn Xuân V, sinh ngày 07/12/2007, nay chị V đồng ý nhận nuôi cháu Nguyễn Xuân T, sinh ngày 19/06/2005 cho đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung và đồng ý giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Xuân V, sinh ngày 07/12/2007 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung: Quá trình sống chung vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Đến hiện tại vợ chồng không có nợ chung.

Bị đơn anh Nguyễn Xuân T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân, tài sản chung, nợ chung thống nhất như chị V trình bày, nhưng không đồng ý ly hôn với chị V, tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung đã giải quyết xong không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không thành.

Sau đó chị Nguyễn Thị Ai V có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải nữa.

Tại phiên tòa hôm nay các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu nêu trên, đồng thời chị V yêu cầu được nuôi cả hai con chung cho đến khi đủ 18 tuổi và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung đối với mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng từ khi vợ chồng ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Giao con chung là Nguyễn Xuân T, sinh ngày 19/06/2005 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là Nguyễn Xuân V, sinh ngày 07/12/2007 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung chị V, anh T tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, về nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về án phí đề nghị buộc chị V phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ái V khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Xuân T nên xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền của Tòa án giải quyết theo quy định khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ái V và anh Nguyễn Xuân T quen biết và tìm hiểu nhau trong khoảng hơn 01 năm thì được hai bên gia đình đồng ý, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và tự nguyện đăng ký kết hôn UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 24/3/2004 là hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Trong thời gian sống chung, chị Nguyễn Thị Ái V và anh T đều thừa nhận giữa vợ chồng phát sinh rất nhiều mâu thuẫn. Nay chị V và anh T thống nhất thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận về việc thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ái V và anh Nguyễn Xuân T.

[3] Về con chung: Trong thời gian sống chung, chị Nguyễn Thị Ái V và anh Nguyễn Xuân T có với nhau 02 người con chung là Nguyễn Xuân T, sinh ngày 19/6/2005 và Nguyễn Xuân V, sinh ngày 04/12/2007. Hiện nay các con chung do chị Nguyễn Thị Ái V đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, các cháu trình bày có nguyện được ở với mẹ. Tuy nhiên, Để giảm bớt gánh nặng cho cả hai bên nên giao con chung là Nguyễn Xuân T, sinh ngày 19/6/2005 cho chị Nguyễn Thị Ái V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, giao con chung là Nguyễn Xuân V, sinh ngày 04/12/2007 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung là hợp lý và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Ái V và anh Nguyễn Xuân T đều trình bày để vợ chồng tự thoả thuận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ái V và anh Nguyễn Xuân T đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ái V xin ly hôn nên buộc chị V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 39 Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của chị Nguyễn Thị Ái V với anh Nguyễn Xuân T.

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ái V và Nguyễn Xuân T.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Xuân T, sinh ngày 19/6/2005 cho chị Nguyễn Thị Ái V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, giao con chung là Nguyễn Xuân V, sinh ngày 04/12/2007 cho anh Nguyễn Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Ái V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị Nguyễn Thị Ái V đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2016/0012881 ngày 11/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, chị Nguyễn Thị Ái V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai nguyên đơn, bị đơn đều có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Biên